TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-ST
Ngày: 22/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đăng Tuấn

2. Ông Đặng Trường Bảo.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Biện Thị Uyển Nhi – Thư ký viên Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà*:** Bà Đinh Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST – HS, ngày 19 tháng 12 năm 2023; thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 01/TB-TA, ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đức P**, **s**inh năm 1998 tại: Bình Thuận; Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã G, huyện T, Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 6/12; Tiền án, tiền sự: Không; con ông Trần Đức B, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1979; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam T1 – cục A – Bộ C1.

****/ Người bị hại***: Ông Huỳnh Quang T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Xóm A, thôn A, xã G, huyện T, Bình Thuận.

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Anh Bùi Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, bị cáo có mặt; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3/2020, ông Huỳnh Quang T là chủ lò gạch T ở thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận có thuê Trần Đức P làm công nhân lò gạch. Công việc Trần Đức P được giao là quản lý, trông coi toàn bộ tài sản của lò gạch. Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên ngày 03/7/2021, P có ý định đem xe máy cày nhãn hiệu KUBOTA của lò gạch mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân. P gọi điện thoại cho Bùi Văn C ở thôn C, xã V, huyện Đ nói: "*Cầm dùm em chiếc xe máy cày*", C hỏi lại: "*Xe ở đâu*?", P trả lời: "*Xe của nhà*", C đồng ý. P đã điều khiển xe máy cày hiệu KUBOTA từ lò gạch T đến thôn C, xã V để cầm cố. Khi gặp C, P nói: "*Cầm dùm em máy cày, em thua độ đá banh*". Sau khi hai bên thỏa thuận thống nhất việc cầm cố và giá cả thì C đưa cho P số tiền 7.000.000đồng. P đã dùng số tiền này để mua ma túy và tiêu xài cá nhân. Ngày 10/7/2021, Huỳnh Quang T phát hiện máy cày không còn ở lò gạch nên hỏi P; P có hứa ngày 13/7/2021 sẽ đưa máy cày về trả lại cho anh T. Tuy nhiên, do không có tiền để chuộc xe nên P đã không trả lại xe máy cày cho anh T như thỏa thuận. Do đó anh T đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an về hành vi của P. Qúa trình điều tra Trần Đức P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS, ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 máy cày nhãn hiệu KUBOTA, sản xuất tại Nhật Bản năm 2006, màu cam, dung tích 508cc, số khung B5001-16992 trị giá 12.000.000đồng;

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKSND-TL ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Trần Đức P về tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Đức P như nội dung cáo trạng, khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đức P phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Trần Đức P từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù;

***** Tại phiên tòa bị cáo Trần Đức P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bị hại Huỳnh Quang T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra Cơ quan đã thu thập đầy đủ lời khai của người liên quan. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại tòa, bị cáo Trần Đức P đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập và thể hiện trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Trần Đức P được ông Huỳnh Quang T thuê làm công nhân làm việc tại lò gạch T2 ở thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình làm việc tại đây, P được ông T giao nhiệm vụ trông coi, quản lý toàn bộ tài sản của lò gạch. Lợi dụng sự tin tưởng của ông T, ngày 03 tháng 7 năm 2021 Trần Đức P đã có hành vi chiếm đoạt tài sản tại lò gạch là 01 máy cày nhãn hiệu KUBOTA, sản xuất tại Nhật Bản năm 2006, dung tích 508cc có số khung B5001-16992 đem đi cầm cố lấy số tiền 7.000.000đồng tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho ông T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: 01 máy cày nhãn hiệu KUBOTA, sản xuất tại Nhật Bản năm 2006, dung tích 508cc có số khung B5001-16992 trị giá 12.000.000đồng.

Như vậy, hành vi của Trần Đức P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Trần Đức P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không lo tu chí làm ăn, phụ giúp cho gia đình, xã hội mà lại sớm sa vào tệ nạn xã hội sử dụng ma túy trái phép nên đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền phục vụ cho nhu cầu bản thân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó cần phải xét xử bị cáo thật nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật hình sự, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Trong vụ án này bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo chiếm đoạt sau khi bị phát hiện đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn C; người bị hại Huỳnh Quang T có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử cũng xét thấy: Bị cáo P có ông nội, ông ngoại đều là những người có công với Cách mạng nên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tương ứng với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo đang phải chấp hành hình phạt 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" của bản án số 18/2023/HS-ST, ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân huyện T nên khi xét xử vụ án này cần phải tổng hợp hình phạt chung của hai bản án để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Vật chứng trong vụ án là 01 máy cày nhãn hiệu KUBOTA, sản xuất tại Nhật Bản năm 2006, dung tích 508cc có số khung B5001-16992 đã được trả lại cho chủ sở hữu nên HĐXX không xem xét xử lý trong bản án này.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Huỳnh Quang T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn C không yêu cầu nên HĐXX không xét đến trong bản án.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Căn cứ vào Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức P phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 175 ; các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Trần Đức P 06 (sáu) tháng tù.

3. Về tổng hợp hình phạt:

Căn cứ vào Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổi bổ sung năm 2017): Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 07(bảy) năm 03 (ba) tháng tù của bản án số 18/2023/HS-ST, ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

Buộc bị cáo Trần Đức P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 09(chín) tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án của bản án trước là ngày 08/12/2022.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Đức P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/01/2024); người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Đã giải thích quyền kháng cáo)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi BC cư trú;
- Lưu HS – Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mận